

PHỤ LỤC IV: ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 CÁC DỰ ÁN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

(Kèm theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Kế hoạch vốn năm 2025 cấp huyện quản lý trước ngày 01/7/2025															Điều chỉnh kỳ này	
STT	Số Dự án	Tên chương trình, dự án	Quyết định phê duyệt dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán		Lấy kế vốn đã giải ngân đến hết ngày 31/01/2025	Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách thành phố cho ngân sách cấp huyện và Ngân sách cấp huyện được điều tiết (không bao gồm vốn ủy thác cho Ngân hàng chính sách xã hội)						Nguồn vốn khác (Địa phương giao thêm)			Ngân sách thành phố	Tăng / giảm
			Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Tổng số	Ngân sách thành phố bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện để thực hiện Chương trình nông thôn mới thành phố giai đoạn 2021-2025	Ngân sách thành phố bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện (trừ Chương trình nông thôn mới thành phố giai đoạn 2021-2025)	NS cấp huyện được điều tiết (không bao gồm vốn ủy thác cho NH chính sách)	Tổng số	Nguồn tăng thu và tiết kiệm chi các năm trước chuyển sang	Nguồn doanh nghiệp đóng góp			
I	2	3	4	5	6	7=8+12	8=9+10+11	9	10	11	12=13+14	13	14	15	16=15-7	
	153	TỔNG SỐ		10.883.464	5.942.918	4.006.003	3.966.477	3.926.430	5.909	34.138	39.526	39.526	0	3.973.704	-32.299	
I	20	Dự án trước do Thành phố Thủy Nguyên quản lý trước ngày 30/6/2025		2.556.310	1.386.926	774.027	774.027	774.027	0	0	0	0		774.027	0,0	
I.1	20	Dự án chưa tất toán		2.556.310	1.386.926	774.027	774.027	774.027	0	0	0	0		774.027	0,0	
1	1	Dự án đầu tư xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Quảng Thanh	Số 4407/QĐ-UBND ngày 22/5/2023	141.382	101.000	26.000.000	26.000.000	26.000.000				0,000		26.000.000	0,0	
2	1	Dự án đầu tư xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Mỹ Đồng	Số 4408/QĐ-UBND ngày 22/5/2023	139.833	105.300	15.700.000	15.700.000	15.700.000				0,000		15.700.000	0,0	
3	1	Dự án đầu tư xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Kiền Bái	Số 4409/QĐ-UBND ngày 22/5/2023	148.384	108.105	28.900.000	28.900.000	28.900.000				0,000		28.900.000	0,0	
4	1	Dự án đầu tư xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Thiên Hương	Số 4410/QĐ-UBND ngày 22/5/2023	145.846	97.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000				0,000		10.000.000	0,0	
5	1	Dự án đầu tư xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Lâm Động	Số 4411/QĐ-UBND ngày 22/5/2023	114.456	92.000	16.000.000	16.000.000	16.000.000				0,000		16.000.000	0,0	
6	1	Dự án đầu tư xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Hoàng Động	Số 4412/QĐ-UBND ngày 22/5/2023	127.004	90.500	15.500.000	15.500.000	15.500.000				0,000		15.500.000	0,0	
7	1	Dự án đầu tư xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Hoa Động	Số 4413/QĐ-UBND ngày 22/5/2023	144.660	107.271	21.700.000	21.700.000	21.700.000				0,000		21.700.000	0,0	
8	1	Dự án đầu tư xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Tân Dương	Số 4414/QĐ-UBND ngày 22/5/2023	101.864	60.500	9.500.000	9.500.000	9.500.000				0,000		9.500.000	0,0	
9	1	Dự án đầu tư xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Thủy Sơn	Số 4415/QĐ-UBND ngày 22/5/2023	117.712	82.300	15.700.000	15.700.000	15.700.000				0,000		15.700.000	0,0	

STT	Số Dự án	Tên chương trình, dự án	Quyết định phê duyệt dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán		Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết ngày 31/01/2025	Kế hoạch vốn năm 2025 cấp huyện quản lý trước ngày 01/7/2025										Điều chỉnh kỳ này	Tăng / giảm
			Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách thành phố cho ngân sách cấp huyện và Ngân sách cấp huyện được điều tiết (không bao gồm vốn ủy thác cho Ngân hàng chính sách xã hội)						Nguồn vốn khác (Địa phương giao thêm)				
							Tổng số	Ngân sách thành phố bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện để thực hiện Chương trình nông thôn mới thành phố giai đoạn 2021-2025	Ngân sách thành phố bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện (trừ Chương trình nông thôn mới thành phố giai đoạn 2021-2025)	NS cấp huyện được điều tiết (không bao gồm vốn ủy thác cho NH chính sách)	Tổng số	Nguồn tăng thu và tiết kiệm chi các năm trước chuyển sang	Nguồn doanh nghiệp đóng góp				
1	2	3	4	5	6	7=8+12	8-9+10+11	9	10	11	12=13+14	13	14	15	16=15-7		
10	1	Dự án đầu tư xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Đông Sơn	Số 4416/QĐ-UBND ngày 22/5/2023	128.464	96.500	20.500,000	20.500,000	20.500,000				0,000		20.500,000	0,0		
11	1	Đầu tư xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Dương Quan	Số 2345/QĐ-UBND ngày 05/4/2024	103.134	47.000	43.820,600	43.820,600	43.820,600				0,000		43.820,600	0,0		
12	1	Đầu tư xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã An Lư	Số 2341/QĐ-UBND ngày 05/4/2024; Số 2782/QĐ-UBND ngày 09/4/2025	111.489	35.000	54.559,600	54.559,600	54.559,600				0,000		54.559,600	0,0		
13	1	Đầu tư xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Thủy Triều	Số 2343/QĐ-UBND ngày 05/4/2024; Số 2783/QĐ-UBND ngày 09/4/2025	136.639	47.000	64.530,000	64.530,000	64.530,000				0,000		64.530,000	0,0		
14	1	Đầu tư xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Trung Hà	Số 2342/QĐ-UBND ngày 05/4/2024	126.243	48.000	59.618,700	59.618,700	59.618,700				0,000		59.618,700	0,0		
15	1	Đầu tư xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Tam Hưng	Số 2349/QĐ-UBND ngày 05/4/2024; Số 2786/QĐ-UBND ngày 09/4/2025	110.954	36.500	60.359,900	60.359,900	60.359,900				0,000		60.359,900	0,0		
16	1	Đầu tư xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Ngự Lão	Số 2344/QĐ-UBND ngày 05/4/2024; Số 2784/QĐ-UBND ngày 09/4/2025	150.102	56.000	72.408,200	72.408,200	72.408,200				0,000		72.408,200	0,0		
17	1	Đầu tư xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Lập Lễ	Số 2348/QĐ-UBND ngày 05/4/2024	137.631	51.000	63.867,900	63.867,900	63.867,900				0,000		63.867,900	0,0		
18	1	Đầu tư xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Phả Lễ	Số 2347/QĐ-UBND ngày 05/4/2024	116.402	33.000	56.761,800	56.761,800	56.761,800				0,000		56.761,800	0,0		

STT	Số Dự án	Tên chương trình, dự án	Quyết định phê duyệt dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán		Lấy kế vốn đã giải ngân đến hết ngày 31/01/2025	Kế hoạch vốn năm 2025 cấp huyện quản lý trước ngày 01/7/2025										Điều chỉnh kỳ này		
			Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Tổng số	Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách thành phố cho ngân sách cấp huyện và Ngân sách cấp huyện được điều tiết (không bao gồm vốn ủy thác cho Ngân hàng chính sách xã hội)						Nguồn vốn khác (Địa phương giao thêm)			Ngân sách thành phố	
								Tổng số	Ngân sách thành phố bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện để thực hiện Chương trình nông thôn mới thành phố giai đoạn 2021-2025	Ngân sách thành phố bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện (trừ Chương trình nông thôn mới thành phố giai đoạn 2021-2025)	NS cấp huyện được điều tiết (không bao gồm vốn ủy thác cho NH chính sách)	Tổng số	Ngân sách tăng thu và tiết kiệm chi các năm trước chuyển sang	Nguồn doanh nghiệp đóng góp				
1	2	3	4	5	6	7=8+12	8=9+10+11	9	10	11	12=13+14	13	14	15	16=15-7			
19	1	Đầu tư xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Phục Lễ	Số 2346/QĐ-UBND ngày 05/4/2024; Số 2785/QĐ-UBND ngày 09/4/2025	124.819	40.500	64.685,600	64.685,600	64.685,600				0,000		64.685,600	0,0			
20	1	Đầu tư xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Lưu Kỳ	Số 2350/QĐ-UBND ngày 05/4/2024	129.293	52.449	53.914,700	53.914,700	53.914,700				0,000		53.914,700	0,0			
II	19	Dự án do Quận An Dương quản lý trước ngày 30/6/2025		1.111.756	765.958	245.189	224.092	186.954	3.000	34.138	21.096	21.096	0	245.189	0,0			
II.1	19	Dự án chưa tất toán		1.111.756	765.958	245.189	224.092	186.954	3.000	34.138	21.096	21.096	0	245.189	0,0			
1	1	Dự án nâng cấp đường giao thông thực hiện xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Hồng Thái, huyện An Dương	1420/QĐ-UBND ngày 18/4/2025	140.949	119.911	21.038,506	21.038,506	20.695,000	0,000	343,506	0,000			21.038,506	0,0			
2	1	Dự án nâng cấp đường giao thông thực hiện xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã An Hưng, huyện An Dương	QĐ số 2005/QĐ-UBND ngày 28/05/2025	101.504	92.071	9.798,956	9.798,956	9.798,956	0,000	0,000	0,000			9.798,956	0,0			
3	1	Dự án nâng cấp đường giao thông thực hiện xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Tân Tiến, huyện An Dương	1182/QĐ-UBND ngày 17/5/2023	71.468	56.388	3.672,670	3.672,670	3.672,670	0,000	0,000	0,000			3.672,670	0,0			
4	1	Dự án nâng cấp đường giao thông thực hiện xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Bắc Sơn, huyện An Dương	5244/QĐ-UBND ngày 27/12/2024	137.929	132.246	5.682,856	5.682,856	5.682,856	0,000	0,000	0,000			5.682,856	0,0			
5	1	Xây dựng, cải tạo, nâng cấp Trường Trung học cơ sở Tân Tiến	4104/QĐ-UBND ngày 14/11/2024	10.911	4.050	6.315,450	6.315,450	6.315,450	0,000	0,000	0,000			6.315,450	0,0			
6	1	Xây dựng Trường Mầm non Tân Tiến (điểm trường Do Nha)	3307/QĐ-UBND ngày 17/10/2024	35.072	1.127	28.244,769	12.107,557	2.607,557	0,000	9.500,000	16.137,212			28.244,769	0,0			
7	1	Xây dựng đường gom Quốc lộ 5 đoạn qua khu công nghiệp Nomura (nay là Khu công nghiệp Nhật Bản- Hải Phòng)	2322/QĐ-UBND ngày 12/7/2024	21.835	10.379	3.300,000	3.300,000	2.000,000	0,000	1.300,000	0,000			3.300,000	0,0			
8	1	Xây dựng điểm thu gom chất thải rắn sinh hoạt xã Tân Tiến	27/NQ-HĐND ngày 25/5/2023; 38/NQ-HĐND ngày 13/6/2024	4.598	0	100,000	0,000	0,000	0,000	0,000	100,000			100,000	0,0			

Quyết định phê duyệt dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán			Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết ngày 31/01/2025	Kế hoạch vốn năm 2025 cấp huyện quản lý trước ngày 01/7/2025										Điều chỉnh kỳ này	Tăng / giảm	
STT	Số Dự án	Tên chương trình, dự án	Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách thành phố cho ngân sách cấp huyện và Ngân sách cấp huyện được điều tiết (không bao gồm vốn ủy thác cho Ngân hàng chính sách xã hội)						Nguồn vốn khác (Địa phương giao thêm)				Ngân sách thành phố
						Tổng số	Ngân sách thành phố bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện để thực hiện Chương trình nông thôn mới thành phố giai đoạn 2021-2025	Ngân sách thành phố bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện (trừ Chương trình nông thôn mới thành phố giai đoạn 2021-2025)	NS cấp huyện được điều tiết (không bao gồm vốn ủy thác cho NH chính sách)	Tổng số	Nguồn tăng thu và tiết kiệm chi các năm trước chuyển sang	Nguồn doanh nghiệp đóng góp				
1	2	3	4	5	6	7=8+12	8=9+10+11	9	10	11	12=13+14	13	14	15	16=15-7	
9	1	Nâng cấp đường giao thông thực hiện xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Lê Lợi, huyện An Dương	696/QĐ-UBND ngày 15/3/2024; 3440/QĐ-UBND, 28/10/2024	51.156	41.193	8.229,885	8.229,885	7.405,109	0,000	824,776	0,000			8.229,885	0,0	
10	1	Xây dựng, mở rộng trường mầm non Lê Lợi giai đoạn 1	4778/QĐ-UBND ngày 06/12/2024	47.265	50	33.000,000	31.000,000	20.000,000	0,000	11.000,000	2.000,000			33.000,000	0,0	
11	1	Xây dựng, nâng cấp, cải tạo Trường Trung học cơ sở Bắc Sơn	2847/QĐ-UBND ngày 13/9/2024	8.712	3.004	2.000,000	2.000,000	2.000,000	0,000	0,000	0,000			2.000,000	0,0	
12	1	Nâng cấp đường giao thông thực hiện xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Nam Sơn, huyện An Dương	695/QĐ-UBND ngày 15/3/2024; 3437/QĐ-UBND, 28/10/2024	132.479	98.395	29.171,297	29.171,297	24.609,323	0,000	4.561,974	0,000			29.171,297	0,0	
13	1	Xây dựng mở rộng Trường Trung học cơ sở Nam Sơn giai đoạn 1	4784/QĐ-UBND ngày 06/12/2024	64.103	50	45.839,576	45.710,626	40.398,465	3.000,000	2.312,161	128,950			45.839,576	0,0	
14	1	Xây dựng điểm thu gom chất thải rắn sinh hoạt xã Bắc Sơn	26/QĐ-HĐND ngày 25/5/2023	5.232	0	100,000	0,000	0,000	0,000	0,000	100,000			100,000	0,0	
15	1	Nâng cấp đường giao thông thực hiện xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã An Đông, huyện An Dương	697/QĐ-UBND ngày 15/3/2024; 3436/QĐ-UBND, 28/10/2024	128.729	92.419	29.873,296	27.243,200	24.947,208	0,000	2.295,992	2.630,096			29.873,296	0,0	
16	1	Xây dựng nhà lớp học, chức năng 03 tầng 09 phòng Trường Tiểu học An Đông (khu Vĩnh Khê)	2846/QĐ-UBND ngày 13/9/2024	10.342	4.192	3.000,000	3.000,000	3.000,000	0,000	0,000	0,000			3.000,000	0,0	
17	1	Xây dựng nhà đa năng Trường Trung học cơ sở An Đông, xã An Đông, huyện An Dương	2845/QĐ-UBND ngày 13/9/2024	7.218	3.050	2.000,000	2.000,000	0,000	0,000	2.000,000	0,000			2.000,000	0,0	
18	1	Nâng cấp đường giao thông thực hiện xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Đại Bản, huyện An Dương	1181/QĐ-UBND ngày 17/5/2023; 2691/QĐ-UBND, 19/8/2024	117.754	98.382	9.821,406	9.821,406	9.821,406	0,000	0,000	0,000			9.821,406	0,0	

Kế hoạch vốn năm 2025 cấp huyện quản lý trước ngày 01/7/2025																	Điều chỉnh kỳ này	Tăng / giảm	
STT	Số Dự án	Tên chương trình, dự án	Quyết định phê duyệt dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán		Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết ngày 31/01/2025	Tổng số	Tổng số	Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách thành phố cho ngân sách cấp huyện và Ngân sách cấp huyện được điều tiết (không bao gồm vốn ủy thác cho Ngân hàng chính sách xã hội)						Nguồn vốn khác (Địa phương giao thêm)					Ngân sách thành phố
			Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng số	Ngân sách thành phố bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện để thực hiện Chương trình nông thôn mới thành phố giai đoạn 2021-2025	Ngân sách thành phố bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện (trừ Chương trình nông thôn mới thành phố giai đoạn 2021-2025)	NS cấp huyện được điều tiết (không bao gồm vốn ủy thác cho NH chính sách)	Tổng số	Nguồn tăng thu và tiết kiệm chi các năm trước chuyển sang	Nguồn doanh nghiệp đóng góp					
I	2	3	4	5	6	7=8+12	8-9+10+11	9	10	11	12=13+14	13	14	15	16=15-7				
19	1	Xây dựng, cải tạo, nâng cấp Trường Tiểu học An Hưng	3011/QĐ-UBND ngày 20/11/2023; 4103/QĐ-UBND, 14/11/2024	14.500	9.050	4.000.000	4.000.000	4.000.000	0.000	0.000	0.000	0.000		4.000.000	0,0				
III	25	Dự án do Huyện An Lão quản lý trước ngày 30/6/2025		1.626.807	1.002.240	579.454	579.454	579.454	0	0	0	0		579.454	0,0				
III.1	25	Dự án chưa tất toán		1.626.807	1.002.240	579.454	579.454	579.454	0	0	0	0		579.454	0,0				
I	1	Dự án đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng xây dựng NTM kiểu mẫu xã An Tiến năm 2022-2023	2181/QĐ-UBND ngày 23/6/2022	115.891	107.672	2.788.000	2.788.000	2.788.000	0.000	0.000	0.000	0.000		2.788.000	0,0				
2	1	Dự án đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng xây dựng NTM kiểu mẫu xã An Thắng năm 2022-2023	2182/QĐ-UBND ngày 23/6/2022	130.602	122.321	5.768.000	5.768.000	5.768.000	0.000	0.000	0.000	0.000		5.768.000	0,0				
3	1	Dự án đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng xây dựng NTM kiểu mẫu xã Bát Trạng năm 2022-2023	2183/QĐ-UBND ngày 23/6/2022	140.605	126.247	6.546.000	6.546.000	6.546.000	0.000	0.000	0.000	0.000		6.546.000	0,0				
4	1	Đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã An Thái, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng	2097/QĐ-UBND ngày 30/6/2023	123.600	108.250	12.349.000	12.349.000	12.349.000	0.000	0.000	0.000	0.000		12.349.000	0,0				
5	1	Dự án đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng xây dựng NTM kiểu mẫu xã Quốc Tuấn, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng	2099/QĐ-UBND ngày 30/6/2023	124.000	110.250	11.270.000	11.270.000	11.270.000	0.000	0.000	0.000	0.000		11.270.000	0,0				

STT	Số Dự án	Tên chương trình, dự án	Quyết định phê duyệt dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán		Lấy kế vốn đã giải ngân đến hết ngày 31/01/2025	Kế hoạch vốn năm 2025 cấp huyện quản lý trước ngày 01/7/2025										Điều chỉnh kỳ này	Tăng / giảm
			Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách thành phố cho ngân sách cấp huyện và Ngân sách cấp huyện được điều tiết (không bao gồm vốn ủy thác cho Ngân hàng chính sách xã hội)					Nguồn vốn khác (Địa phương giao thêm)			Ngân sách thành phố		
							Tổng số	Ngân sách thành phố bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện để thực hiện Chương trình nông thôn mới thành phố giai đoạn 2021-2025	Ngân sách thành phố bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện (trừ Chương trình nông thôn mới thành phố giai đoạn 2021-2025)	NS cấp huyện được điều tiết (không bao gồm vốn ủy thác cho NH chính sách)	Tổng số	Nguồn tăng thu và tiết kiệm chi các năm trước chuyển sang	Nguồn doanh nghiệp đóng góp				
1	2	3	4	5	6	7=8+12	8=9+10+11	9	10	11	12=13+14	13	14	15	16=15-7		
6	1	Dự án đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng xây dựng NTM kiểu mẫu xã Mỹ Đức, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng	2096/QĐ-UBND ngày 30/6/2023	125.000	108.250	13.280,000	13.280,000	13.280,000	0,000	0,000	0,000	0,000		13.280,000	0,0		
7	1	Đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã An Thọ, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng	2098/QĐ-UBND ngày 30/6/2023	122.194	106.250	10.070,000	10.070,000	10.070,000	0,000	0,000	0,000	0,000		10.070,000	0,0		
8	1	Cải tạo, nâng cấp các công trình giao thông trên địa bàn xã Thái Sơn thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Thái Sơn, huyện An Lão, TP Hải Phòng	5819/QĐ-UBND ngày 17/9/2024	110.815	46.000	62.719,000	62.719,000	62.719,000	0,000	0,000	0,000	0,000		62.719,000	0,0		
9	1	Cải tạo, nâng cấp các công trình văn hóa trên địa bàn xã Thái Sơn thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Thái Sơn, huyện An Lão, TP Hải Phòng	5586/QĐ-UBND ngày 20/8/2024	6.530	4.570	1.831,000	1.831,000	1.831,000	0,000	0,000	0,000	0,000		1.831,000	0,0		
10	1	Xây dựng các công trình trường học trên địa bàn xã Thái Sơn thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Thái Sơn, huyện An Lão, TP Hải Phòng	2212/QĐ-UBND ngày 03/4/2025	58.526	872	57.000,000	57.000,000	57.000,000	0,000	0,000	0,000	0,000		57.000,000	0,0		
11	1	Cải tạo, nâng cấp các công trình giao thông trên địa bàn xã Tân Viên thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Tân Viên, huyện An Lão, TP Hải Phòng	5820/QĐ-UBND ngày 17/9/2024	90.597	37.844	51.941,000	51.941,000	51.941,000	0,000	0,000	0,000	0,000		51.941,000	0,0		
12	1	Cải tạo, nâng cấp các công trình văn hóa trên địa bàn xã Tân Viên thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Tân Viên, huyện An Lão, TP Hải Phòng	5587/QĐ-UBND ngày 20/8/2024	8.075	5.640	2.274,000	2.274,000	2.274,000	0,000	0,000	0,000	0,000		2.274,000	0,0		

STT	Số Dự án	Tên chương trình, dự án	Quyết định phê duyệt dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán		Lấy kế vốn đã giải ngân đến hết ngày 31/01/2025	Kế hoạch vốn năm 2025 cấp huyện quản lý trước ngày 01/7/2025										Điều chỉnh kỳ này	Tăng / giảm
			Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách thành phố cho ngân sách cấp huyện và Ngân sách cấp huyện được điều tiết (không bao gồm vốn ủy thác cho Ngân hàng chính sách xã hội)					Nguồn vốn khác (Địa phương giao thêm)			Ngân sách thành phố		
							Tổng số	Ngân sách thành phố bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện để thực hiện Chương trình nông thôn mới thành phố giai đoạn 2021-2025	Ngân sách thành phố bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện (trừ Chương trình nông thôn mới thành phố giai đoạn 2021-2025)	NS cấp huyện được điều tiết (không bao gồm vốn ủy thác cho NH chính sách)	Tổng số	Nguồn tăng thu và tiết kiệm chi các năm trước chuyển sang	Nguồn doanh nghiệp đóng góp				
1	2	3	4	5	6	7=8+12	8=9+10+11	9	10	11	12=13+14	13	14	15	16=15-7		
13	1	Xây dựng các công trình trường học trên địa bàn xã Tân Viên thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Tân Viên, huyện An Lão, TP Hải Phòng	3293/QĐ-UBND ngày 9/5/2025	35.668	809	29.000,000	29.000,000	29.000,000	0,000	0,000	0,000	0,000		29.000,000	0,0		
14	1	Cải tạo, nâng cấp các công trình giao thông trên địa bàn xã Quang Trung thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Quang Trung, huyện An Lão, TP Hải Phòng	5818/QĐ-UBND ngày 17/9/2024	78.050	32.000	45.489,000	45.489,000	45.489,000	0,000	0,000	0,000	0,000		45.489,000	0,0		
15	1	Xây dựng các công trình trường học trên địa bàn xã Quang Trung thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Quang Trung, huyện An Lão, TP Hải Phòng	4180/QĐ-UBND ngày 30/5/2025	21.700	602	20.261,000	20.261,000	20.261,000	0,000	0,000	0,000	0,000		20.261,000	0,0		
16	1	Cải tạo, nâng cấp các công trình văn hóa trên địa bàn xã Quang Trung thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Quang Trung, huyện An Lão, TP Hải Phòng	6123/QĐ-UBND ngày 09/10/2024	2.300	110	2.144,000	2.144,000	2.144,000	0,000	0,000	0,000	0,000		2.144,000	0,0		
17	1	Cải tạo, nâng cấp các công trình giao thông trên địa bàn xã Quang Hưng thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Quang Hưng, huyện An Lão, TP Hải Phòng	5817/QĐ-UBND ngày 17/9/2024	61.591	26.000	34.859,000	34.859,000	34.859,000	0,000	0,000	0,000	0,000		34.859,000	0,0		
18	1	Xây dựng các công trình trường học trên địa bàn xã Quang Hưng thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Quang Hưng, huyện An Lão, TP Hải Phòng	2465/QĐ-UBND ngày 21/4/2025	28.221	940	26.716,000	26.716,000	26.716,000	0,000	0,000	0,000	0,000		26.716,000	0,0		

Kế hoạch vốn năm 2025 cấp huyện quản lý trước ngày 01/7/2025																			Điều chỉnh kỳ này	Tăng / giảm
STT	Số Dự án	Tên chương trình, dự án	Quyết định phê duyệt dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán		Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết ngày 31/01/2025	Tổng số	Tổng số	Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách thành phố cho ngân sách cấp huyện và Ngân sách cấp huyện được điều tiết (không bao gồm vốn ủy thác cho Ngân hàng chính sách xã hội)						Nguồn vốn khác (Địa phương giao thêm)			Ngân sách thành phố			
			Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng số	Ngân sách thành phố bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện để thực hiện Chương trình nông thôn mới thành phố giai đoạn 2021-2025	Ngân sách thành phố bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện (trừ Chương trình nông thôn mới thành phố giai đoạn 2021-2025)	NS cấp huyện được điều tiết (không bao gồm vốn ủy thác cho NH chính sách)	Tổng số	Nguồn tăng thu và tiết kiệm chi các năm trước chuyển sang	Nguồn doanh nghiệp đóng góp						
1	2	3	4	5	6	7=8+12	8-9+10+11	9	4.897,000	0,000	0,000	0,000	11	12-13+14	13	14	15	16-15-7		
19	1	Cải tạo, nâng cấp các công trình văn hóa và y tế trên địa bàn xã Quang Hưng thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Quang Hưng, huyện An Lão, TP Hải Phòng	832/QĐ-UBND ngày 17/02/2025	5.518	511	4.897,000	4.897,000	4.897,000	0,000	0,000	0,000	0,000			0,000		4.897,000	0,0		
20	1	Cải tạo, nâng cấp các công trình giao thông trên địa bàn xã Trường Thành thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Trường Thành, huyện An Lão, TP Hải Phòng	5821/QĐ-UBND ngày 17/9/2024	73.637	30.000	43.164,000	43.164,000	43.164,000	0,000	0,000	0,000	0,000			0,000		43.164,000	0,0		
21	1	Xây dựng các công trình trường học và y tế trên địa bàn xã Trường Thành thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Trường Thành, huyện An Lão, TP Hải Phòng	3292/QĐ-UBND ngày 9/5/2025	34.113	536	33.577,000	33.577,000	33.577,000	0,000	0,000	0,000	0,000			0,000		33.577,000	0,0		
22	1	Cải tạo, nâng cấp các công trình giao thông trên địa bàn xã Trường Thọ thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Trường Thọ, huyện An Lão, TP Hải Phòng	5822/QĐ-UBND ngày 17/9/2024	57.553	26.005	31.397,000	31.397,000	31.397,000	0,000	0,000	0,000	0,000			0,000		31.397,000	0,0		
23	1	Xây dựng các công trình trường học trên địa bàn xã Trường Thọ thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Trường Thọ, huyện An Lão, TP Hải Phòng	4179/QĐ-UBND ngày 30/5/2025	31.784	561	29.942,000	29.942,000	29.942,000	0,000	0,000	0,000	0,000			0,000		29.942,000	0,0		
24	1	Cải tạo, nâng cấp các công trình văn hóa trên địa bàn xã Trường Thọ thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Trường Thọ, huyện An Lão, TP Hải Phòng	2213/QĐ-UBND ngày 03/4/2025	3.237	0	3.172,000	3.172,000	3.172,000	0,000	0,000	0,000	0,000			0,000		3.172,000	0,0		

STT		Số Dự án	Tên chương trình, dự án	Quyết định phê duyệt dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán		Lấy kế vốn đã giải ngân đến hết ngày 31/01/2025	Kế hoạch vốn năm 2025 cấp huyện quản lý trước ngày 01/7/2025										Điều chỉnh kỳ này	Tăng / giảm
				Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách thành phố cho ngân sách cấp huyện và Ngân sách cấp huyện được điều tiết (không bao gồm vốn ủy thác cho Ngân hàng chính sách xã hội)						Nguồn vốn khác (Địa phương giao thêm)				
								Tổng số	Ngân sách thành phố bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện để thực hiện Chương trình nông thôn mới thành phố giai đoạn 2021-2025	Ngân sách thành phố bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện (trừ Chương trình nông thôn mới thành phố giai đoạn 2021-2025)	NS cấp huyện được điều tiết (không bao gồm vốn ủy thác cho NH chính sách)	Tổng số	Nguồn tăng thu và tiết kiệm chi các năm trước chuyển sang	Nguồn doanh nghiệp đóng góp				
1	2	3	4	5	6	7=8+12	8-9+10+11	9	10	11	12=13+14	13	14	15	16=15-7			
25	1		Đầu tư các hạng mục công trình Trường trung học phổ thông An Lão đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng	3294/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	37.000	0	37.000,000	37.000,000	0,000	0,000		0,000		37.000,000	0,0			
III.2	0		Dự án tất toán					0				0			0,0			
IV	25		Dự án trước sáp nhập do Huyện Tiên Lãng quản lý có kế hoạch vốn ngân sách cấp huyện năm 2025		1.815.994	981.561	757.555	757.177	378	0	0			757.555	0,0			
IV.1	21		Dự án chưa tất toán		1.378.762	586.596	715.167	714.789	378	0	0			715.167	0,0			
1	1		Xây dựng cầu chùa Lai - xã Quang Phục	Số 999/QĐ-UBND ngày 28/6/2022	14.994	10.500	4.349,518	4.349,518	0,000	0,000		0,000		4.349,518	0,0			
2	1		Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn mới kiểu mẫu xã Tự Cường	Số 2292a/QĐ-UBND ngày 31/7/2024	120.404	92.000	21.936,453	21.936,453	0,000	0,000		0,000		21.936,453	0,0			
3	1		Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn mới kiểu mẫu xã Vĩnh Quang	Số 1913a/QĐ-UBND ngày 09/6/2023	133.627	108.200	15.985,128	15.985,128	0,000	0,000		0,000		15.985,128	0,0			
4	1		Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn mới kiểu mẫu xã Tây Hưng	Số 1911a/QĐ-UBND ngày 09/6/2023	109.633	88.000	10.919,942	10.919,942	0,000	0,000		0,000		10.919,942	0,0			
5	1		Dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn mới kiểu mẫu xã Đại Thăng (các công trình giao thông)	Số 2304/QĐ-UBND ngày 02/8/2024	90.460	35.860	53.687,972	53.687,972	0,000	0,000		0,000		53.687,972	0,0			
6	1		Dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn mới kiểu mẫu xã Đại Thăng (các công trình dân dụng)	số 764/QĐ-UBND ngày 19/3/2025	25.201	231	23.769,000	23.769,000	0,000	0,000		0,000		23.769,000	0,0			
7	1		Dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn mới kiểu mẫu xã Tiên Cường (các công trình giao thông)	Số 2300/QĐ-UBND ngày 02/8/2024	83.150	30.696	46.304,000	46.304,000	0,000	0,000		0,000		46.304,000	0,0			
8	1		Dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn mới kiểu mẫu xã Tiên Cường (các công trình dân dụng)	số 734/QĐ-UBND ngày 17/3/2025	36.889	296	31.704,000	31.704,000	0,000	0,000		0,000		31.704,000	0,0			
9	1		Dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn mới kiểu mẫu xã Tiên Thanh (các công trình giao thông)	Số 2298/QĐ-UBND ngày 02/8/2024	81.561	32.085	46.915,000	46.915,000	0,000	0,000		0,000		46.915,000	0,0			

STT	Số Dự án	Tên chương trình, dự án	Quyết định phê duyệt dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán		Lấy kế vốn đã giải ngân đến hết ngày 31/01/2025	Kế hoạch vốn năm 2025 cấp huyện quản lý trước ngày 01/7/2025										Điều chỉnh kỳ này	
			Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách thành phố cho ngân sách cấp huyện và Ngân sách cấp huyện được điều tiết (không bao gồm vốn ủy thác cho Ngân hàng chính sách xã hội)						Nguồn vốn khác (Địa phương giao thêm)				Tăng / giảm
							Tổng số	Ngân sách thành phố bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện để thực hiện Chương trình nông thôn mới thành phố giai đoạn 2021-2025	Ngân sách thành phố bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện (trừ Chương trình nông thôn mới thành phố giai đoạn 2021-2025)	NS cấp huyện được điều tiết (không bao gồm vốn ủy thác cho NH chính sách)	Tổng số	Nguồn tăng thu và tiết kiệm chi các năm trước chuyển sang	Nguồn doanh nghiệp đóng góp				
1	2	3	4	5	6	7=8+12	8=9+10+11	9	10	11	12=13+14	13	14	15	16=15-7		
10	1	Dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn mới kiểu mẫu xã Tiên Thanh (các công trình dân dụng)	số 762/QĐ-UBND ngày 19/3/2025	27.210	186	26.814,000	26.814,000	26.814,000	0,000	0,000	0,000	0,000		26.814,000	0,0		
11	1	Dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn mới kiểu mẫu xã Khởi Nghĩa (các công trình giao thông)	Số 2301/QĐ-UBND ngày 02/8/2024	86.648	34.527	51.719,297	51.719,297	51.719,297	0,000	0,000	0,000	0,000		51.719,297	0,0		
12	1	Dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn mới kiểu mẫu xã Khởi Nghĩa (các công trình dân dụng)	số 735/QĐ-UBND ngày 17/3/2025	32.078	245	27.755,000	27.755,000	27.755,000	0,000	0,000	0,000	0,000		27.755,000	0,0		
13	1	Dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn mới kiểu mẫu xã Tiên Minh (các công trình giao thông)	Số 2299/QĐ-UBND ngày 02/8/2024	115.734	45.055	68.945,000	68.945,000	68.945,000	0,000	0,000	0,000	0,000		68.945,000	0,0		
14	1	Dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn mới kiểu mẫu xã Tiên Minh (các công trình dân dụng)	số 733/QĐ-UBND ngày 17/3/2025	20.886	180	19.820,000	19.820,000	19.820,000	0,000	0,000	0,000	0,000		19.820,000	0,0		
15	1	Dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn mới kiểu mẫu xã Bắc Hưng (các công trình giao thông)	Số 2305/QĐ-UBND ngày 02/8/2024	96.918	34.555	51.945,000	51.945,000	51.945,000	0,000	0,000	0,000	0,000		51.945,000	0,0		
16	1	Dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn mới kiểu mẫu xã Bắc Hưng (các công trình dân dụng)	số 737/QĐ-UBND ngày 17/3/2025	29.657	280	26.719,524	26.719,524	26.719,524	0,000	0,000	0,000	0,000		26.719,524	0,0		
17	1	Dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn mới kiểu mẫu xã Nam Hưng (các công trình giao thông)	Số 2302/QĐ-UBND ngày 02/8/2024	107.938	42.376	60.624,000	60.624,000	60.624,000	0,000	0,000	0,000	0,000		60.624,000	0,0		
18	1	Dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn mới kiểu mẫu xã Nam Hưng (các công trình dân dụng)	số 736/QĐ-UBND ngày 17/3/2025	18.628	207	13.793,000	13.793,000	13.793,000	0,000	0,000	0,000	0,000		13.793,000	0,0		
19	1	Dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn mới kiểu mẫu xã Đông Hưng (các công trình giao thông)	Số 2303/QĐ-UBND ngày 02/8/2024	76.416	30.638	45.362,000	45.362,000	45.362,000	0,000	0,000	0,000	0,000		45.362,000	0,0		
20	1	Dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn mới kiểu mẫu xã Đông Hưng (các công trình dân dụng)	số 763/QĐ-UBND ngày 17/3/2025	37.152	279	32.721,000	32.721,000	32.721,000	0,000	0,000	0,000	0,000		32.721,000	0,0		
21	1	Đầu tư các hạng mục công trình trường THPT Toàn Thắng huyện Tiên Lãng	Số1205/QĐ-UBND ngày 21/4/2025	33.578	200	33.377,982	33.377,982	33.000,000	377,982	0,000	0,000	0,000		33.377,982	0,0		

STT	Số Dự án	Tên chương trình, dự án	Quyết định phê duyệt dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán		Lấy kế vốn đã giải ngân đến hết ngày 31/01/2025	Kế hoạch vốn năm 2025 cấp huyện quản lý trước ngày 01/7/2025										Điều chỉnh kỳ này	Tăng / giảm
			Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách thành phố cho ngân sách cấp huyện và Ngân sách cấp huyện được điều tiết (không bao gồm vốn ủy thác cho Ngân hàng chính sách xã hội)					Nguồn vốn khác (Địa phương giao thêm)			Ngân sách thành phố		
							Tổng số	Ngân sách thành phố bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện để thực hiện Chương trình nông thôn mới thành phố giai đoạn 2021-2025	Ngân sách thành phố bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện (trừ Chương trình nông thôn mới thành phố giai đoạn 2021-2025)	NS cấp huyện được điều tiết (không bao gồm vốn ủy thác cho NH chính sách)	Tổng số	Nguồn tăng thu và tiết kiệm chi các năm trước chuyển sang	Nguồn doanh nghiệp đóng góp				
1	2	3	4	5	6	7=8+12	9	10	11	12+13+14	13	14	15	16=15-7			
IV.2	4	Dự án đã tất toán		437.232	394.965	42.388	42.388	0	0	0	0	0	42.388	0,0			
1	1	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn mới kiểu mẫu xã Toàn Thắng	2866/QĐ-UBND ngày 30/9/2024	98.398	94.618	3.780,136	3.780,136	0,000	0,000	0,000	0,000		3.780,136	0,0			
2	1	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn mới kiểu mẫu xã Quang Phục	QĐ số 124/QĐ-UBND ngày 10/01/2025	117.967	105.547	12.540,113	12.540,113	0,000	0,000		0,000		12.540,113	0,0			
3	1	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn mới kiểu mẫu xã Bạch Đằng	955/QĐ-UBND ngày 31/3/2025	112.812	97.500	15.313,928	15.313,928	0,000	0,000		0,000		15.313,928	0,0			
4	1	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn mới kiểu mẫu xã Hùng Thắng	732/QĐ-UBND ngày 17/3/2025	108.054	97.300	10.753,989	10.753,989	0,000	0,000		0,000		10.753,989	0,0			
V	30	Dự án trước sáp nhập do Huyện Vĩnh Bảo quản lý có kế hoạch vốn ngân sách cấp huyện năm 2025		2.253.684	1.184.267	870.383	861.383	2.531	0	9.000	9.000		870.374	-8,6			
V.1	30	Dự án chưa tất toán		2.253.684	1.184.267	870.383	861.383	2.531	0	9.000	9.000		870.374	-8,6			
1	1	Dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo đường 17B huyện Vĩnh Bảo (đoạn từ Km 1+220 đến Km 3+640)	số 8487/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	34.731	200	31.531,000	22.531,000	2.531,000		9.000,000	9.000,000		31.531,000	0,0			
2	1	Xây dựng các công trình thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Đồng Minh	số 2612/QĐ - UBND ngày 09/6/2023	114.750	88.643	24.090,000	24.090,000				0,000		24.090,000	0,0			
3	1	Xây dựng các công trình thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Vĩnh Tiến	QĐ 2616- 09/6/2023 và QĐ 2786- 14/6/2024	114.950	93.170	13.115,933	13.115,933				0,000		13.115,933	0,0			

Kế hoạch vốn năm 2025 cấp huyện quản lý trước ngày 01/7/2025															Điều chỉnh kỳ này					
STT	Số Dự án	Tên chương trình, dự án	Quyết định phê duyệt dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán		Lấy kế vốn đã giải ngân đến hết ngày 31/01/2025	Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách thành phố cho ngân sách cấp huyện và Ngân sách cấp huyện được điều tiết (không bao gồm vốn ủy thác cho Ngân hàng chính sách xã hội)										Nguồn vốn khác (Địa phương giao thêm)			Ngân sách thành phố	Tăng / giảm
			Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Ngân sách thành phố bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện để thực hiện Chương trình nông thôn mới thành phố giai đoạn 2021-2025	Ngân sách thành phố bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện (trừ Chương trình nông thôn mới thành phố giai đoạn 2021-2025)	NS cấp huyện được điều tiết (không bao gồm vốn ủy thác cho NH chính sách)	Tổng số	Nguồn tăng thu và tiết kiệm chi các năm trước chuyển sang	Nguồn doanh nghiệp đóng góp								
1	2	3	4	5	6	7-8+12	8-9+10+11	9	10	11	12=13+14	13	14	15	16=15-7					
4	1	Xây dựng các công trình thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Tam Cường	số 3132 ngày 28/6/2023	129.750	107.672	15.065,000	15.065,000	15.065,000				0,000		15.065,000	0,0					
5	1	Xây dựng các công trình thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Vĩnh An	số 2611 ngày 09/6/2023	115.127	87.677	23.448,000	23.448,000	23.448,000				0,000		23.448,000	0,0					
6	1	Xây dựng các công trình thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Hùng Tiến	số 3129/QĐ-UBND ngày 28/6/2024	128.750	110.709	16.040,000	16.040,000	16.040,000				0,000		16.040,000	0,0					
7	1	Xây dựng các công trình thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Tiên Phong	Số 6081/QĐ-UBND ngày 13/6/2025	111.956	101.223	10.742,403	10.742,403	10.742,403				0,000		10.733,842	-8,6					
8	1	Xây dựng các công trình thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Thắng Thủy	1575- 06/5/2024	114.750	100.935	11.815,000	11.815,000	11.815,000				0,000		11.815,000	0,0					
9	1	Xây dựng các công trình thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Cao Minh	3676-15/07/2024	122.750	98.456	22.294,000	22.294,000	22.294,000				0,000		22.294,000	0,0					
10	1	Dự án xây dựng các công trình thực hiện tiêu chí xã NTM kiểu mẫu tại xã Dũng Tiến	4464- 09/8/2024	96.987	38.221	46.982,000	46.982,000	46.982,000				0,000		46.982,000	0,0					
11	1	Xây dựng các trường học (mầm non, tiểu học) thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Dũng Tiến	2214- 03/3/2025	24.013	300	20.247,000	20.247,000	20.247,000				0,000		20.247,000	0,0					
12	1	Dự án xây dựng các công trình thực hiện tiêu chí xã NTM kiểu mẫu tại xã Giang Biên	4465- 09/8/2024	53.000	22.724	22.627,000	22.627,000	22.627,000				0,000		22.627,000	0,0					

Kế hoạch vốn năm 2025 cấp huyện quản lý trước ngày 01/7/2025																Điều chỉnh kỳ này	Tăng / giảm
STT	Số Dự án	Tên chương trình, dự án	Quyết định phê duyệt dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán		Lấy kế vốn đã giải ngân đến hết ngày 31/01/2025	Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách thành phố cho ngân sách cấp huyện và Ngân sách cấp huyện được điều tiết (không bao gồm vốn ủy thác cho Ngân hàng chính sách xã hội)				Nguồn vốn khác (Địa phương giao thêm)			Ngân sách thành phố				
			Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Tổng số	Tổng số	Ngân sách thành phố bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện để thực hiện Chương trình nông thôn mới thành phố giai đoạn 2021-2025	Ngân sách thành phố bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện (trừ Chương trình nông thôn mới thành phố giai đoạn 2021-2025)	NS cấp huyện được điều tiết (không bao gồm vốn ủy thác cho NH chính sách)	Tổng số		Nguồn tăng thu và tiết kiệm chi các năm trước chuyển sang	Nguồn doanh nghiệp đóng góp		
1	2	3	4	5	6	7=8+12	8=9+10+11	9	10	11	12=13+14	13	14	15	16=15-7		
13	1	Xây dựng trường mầm non thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Giang Biên	4465/QĐ-UBND ngày 09/8/2024	6.198	3.179	3.019,000	3.019,000	3.019,000				0,000		3.019,000	0,0		
14	1	Xây dựng trường tiểu học thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Giang Biên	23/NQ-HĐND ngày 12/06/2024	61.121	10	35.000,000	35.000,000	35.000,000				0,000		35.000,000	0,0		
15	1	Dự án xây dựng các công trình thực hiện tiêu chí xã NTM kiểu mẫu tại xã Việt Tiến	số 4786 ngày 10/9/2024	88.406	35.652	44.127,665	44.127,665	44.127,665				0,000		44.127,665	0,0		
16	1	Xây dựng các trường học (mầm non, tiểu học) thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Việt Tiến	số 2213 ngày 03/03/2025	28.094	300	23.729,000	23.729,000	23.729,000				0,000		23.729,000	0,0		
17	1	Dự án xây dựng các công trình thực hiện tiêu chí xã NTM kiểu mẫu tại xã Trung Lập	số 4466/QĐ - UBND ngày 09/8/2024	101.040	35.562	51.900,000	51.900,000	51.900,000				0,000		51.900,000	0,0		
18	1	Xây dựng các trường học (tiểu học, trung học cơ sở) thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Trung Lập	số 5892/QĐ-UBND ngày 14/11/2024	14.938	400	12.397,000	12.397,000	12.397,000				0,000		12.397,000	0,0		
19	1	Dự án xây dựng các công trình thực hiện tiêu chí xã NTM kiểu mẫu tại xã An Hoà	số: 4467 /QĐ-UBND ngày 09/8/2024	112.000	37.075	62.454,000	62.454,000	62.454,000				0,000		62.454,000	0,0		
20	1	Xây dựng các trường học (mầm non, tiểu học) thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã An Hoà	số 5703/QĐ-UBND ngày 05/11/2024	6.996	1.387	5.609,000	5.609,000	5.609,000				0,000		5.609,000	0,0		
21	1	Dự án xây dựng các công trình thực hiện tiêu chí xã NTM kiểu mẫu tại xã Hưng Nhân	4468/QĐ-UBND ngày 09/8/2024	95.900	38.462	50.600,000	50.600,000	50.600,000				0,000		50.600,000	0,0		

Kế hoạch vốn năm 2025 cấp huyện quản lý trước ngày 01/7/2025															Điều chỉnh kỳ này	
STT	Số Dự án	Tên chương trình, dự án	Quyết định phê duyệt dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán		Lấy kế vốn đã giải ngân đến hết ngày 31/01/2025	Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách thành phố cho ngân sách cấp huyện và Ngân sách cấp huyện được điều tiết (không bao gồm vốn ủy thác cho Ngân hàng chính sách xã hội)						Nguồn vốn khác (Địa phương giao thêm)			Ngân sách thành phố	Tăng / giảm
			Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Ngân sách thành phố bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện để thực hiện Chương trình nông thôn mới thành phố giai đoạn 2021-2025	Ngân sách thành phố bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện (trừ Chương trình nông thôn mới thành phố giai đoạn 2021-2025)	NS cấp huyện được điều tiết (không bao gồm vốn ủy thác cho NH chính sách)	Tổng số	Nguồn tăng thu và tiết kiệm chi các năm trước chuyển sang	Nguồn doanh nghiệp đóng góp				
1	2	3	4	5	6	7=8+12	8=9+10+11	9	10	11	12=13+14	13	14	15	16=15-7	
22	1	Dự án xây dựng các công trình thực hiện tiêu chí xã NTM kiểu mẫu tại xã Cộng Hiền	4469/QĐ-UBND ngày 09/8/2024	118.500	38.462	65.940.000	65.940.000	65.940.000				0,000		65.940.000	0,0	
23	1	Dự án xây dựng các công trình thực hiện tiêu chí xã NTM kiểu mẫu tại xã Vĩnh Quang	QĐ 4787/QĐ-UBND ngày 10/9/2024	98.887	35.659	48.960.000	48.960.000	48.960.000				0,000		48.960.000	0,0	
24	1	Xây dựng các trường học (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Vĩnh Quang	Quyết định số 2212/QĐ-UBND ngày 03/3/2025	16.610	303	13.915.000	13.915.000	13.915.000				0,000		13.915.000	0,0	
25	1	Dự án Xây dựng các công trình thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Thanh Lương	số 4788/QĐ-UBND ngày 10/9/2024	102.566	31.050	61.720.000	61.720.000	61.720.000				0,000		61.720.000	0,0	
26	1	Công trình Xây dựng các Trường học (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Thanh Lương	số 5706/QĐ-UBND ngày 05/11/2024	13.558	4.912	7.696.000	7.696.000	7.696.000				0,000		7.696.000	0,0	
27	1	Dự án Xây dựng các công trình nông thôn mới kiểu mẫu xã Cổ Am	QĐ 4784/QĐ-UBND ngày 10/9/2024	93.741	32.597	45.030.000	45.030.000	45.030.000				0,000		45.030.000	0,0	
28	1	Công trình xây dựng các trường học (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Cổ Am	QĐ 5705/QĐ-UBND ngày 05/11/2024	10.059	3.365	6.694.000	6.694.000	6.694.000				0,000		6.694.000	0,0	
29	1	Dự án Xây dựng các công trình thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Trần Dương	4785- 10/9/2024	117.810	35.742	68.071.000	68.071.000	68.071.000				0,000		68.071.000	0,0	

Kế hoạch vốn năm 2025 cấp huyện quản lý trước ngày 01/7/2025																	Điều chỉnh kỳ này	Tăng / giảm
STT	Số Dự án	Tên chương trình, dự án	Quyết định phê duyệt dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán		Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết ngày 31/01/2025	Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách thành phố cho ngân sách cấp huyện và Ngân sách cấp huyện được điều tiết (không bao gồm vốn ủy thác cho Ngân hàng chính sách xã hội)						Nguồn vốn khác (Địa phương giao thêm)			Ngân sách thành phố			
			Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Tổng số	Ngân sách thành phố bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện để thực hiện Chương trình nông thôn mới thành phố giai đoạn 2021-2025	Ngân sách thành phố bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện (trừ Chương trình nông thôn mới thành phố giai đoạn 2021-2025)	NS cấp huyện được điều tiết (không bao gồm vốn ủy thác cho NH chính sách)	Tổng số	Nguồn tăng thu và tiết kiệm chi các năm trước chuyển sang	Nguồn doanh nghiệp đóng góp					
1	2	3	4	5	6	7 = 8 + 12	8 = 9 + 10 + 11	9	10	11	12 = 13 + 14	13	14	15	16 = 15 - 7			
30	1	Công trình: Xây dựng trường trung học cơ sở thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Trần Dương	7397- 5/12/2024	5.745	220	5.524,000	5.524,000	5.524,000				0,000		5.524,000	0,0			
V.2	0	Dự án đã tắt toán						0					0		0,0			
V1	33	Dự án trước sáp nhập do Huyện Kiến Thụy quản lý có kế hoạch vốn ngân sách cấp huyện năm 2025		1.424.413	621.466	689.395	679.966	679.966	0	0	9.429	9.429		657.105	-32.290,0			
V1.1	33	Dự án chưa tắt toán		1.424.413	621.466	689.395	679.966	679.966	0	0	9.429	9.429		657.105	-32.290,0			
1	1	Đầu tư nâng cấp, cải tạo Huyện lộ 402 (đoạn từ ngã tư cầu Cao xã Đại Hà đến cầu Ngũ Đoan - Tân Phong)	2466/QĐ-UBND ngày 29/5/2025	42.383	0	22.927,380	20.000,000	20.000,000	0,000	0,000	2.927,380	2.927,380		22.927,380	0,0			
2	1	Xây dựng trường Tiểu học, trường THCS; Xây dựng nhà văn hóa thôn Xuân Đoài thực hiện xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Ngũ Phúc, huyện Kiến Thụy	số 669/QĐ-UBND ngày 16/02/2024	36.156	24.685	10.000,000	10.000,000	10.000,000	0,000	0,000	0,000	0,000		10.000,000	0,0			
3	1	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông thực hiện xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Ngũ Phúc, huyện Kiến Thụy	số 2632/QĐ-UBND ngày 21/6/2023	90.206	68.698	15.000,000	15.000,000	15.000,000	0,000	0,000	0,000	0,000		15.000,000	0,0			
4	1	Dự án: Xây dựng trường THCS, trường Mầm non; Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa thôn thực hiện xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Hữu Bằng huyện Kiến Thụy	số 601/QĐ-UBND ngày 26/01/2024	58.351	40.846	19.000,000	19.000,000	19.000,000	0,000	0,000	0,000	0,000		17.139,977	-1.860,0			
5	1	Dự án: Nâng cấp, cải tạo đường giao thông thực hiện xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Hữu Bằng, huyện Kiến Thụy	số 2665/QĐ-UBND ngày 26/6/2023	65.351	42.155	15.000,000	15.000,000	15.000,000	0,000	0,000	0,000	0,000		15.000,000	0,0			

Quyết định phê duyệt dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán						Lấy kế vốn đã giải ngân đến hết ngày 31/01/2025	Kế hoạch vốn năm 2025 cấp huyện quản lý trước ngày 01/7/2025						Điều chỉnh kỳ này				
STT	Số Dự án	Tên chương trình, dự án	Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Tổng số	Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách thành phố cho ngân sách cấp huyện và Ngân sách cấp huyện được điều tiết (không bao gồm vốn ủy thác cho Ngân hàng chính sách xã hội)						Nguồn vốn khác (Địa phương giao thêm)			Ngân sách thành phố	Tăng / giảm
							Tổng số	Ngân sách thành phố bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện để thực hiện Chương trình nông thôn mới thành phố giai đoạn 2021-2025	Ngân sách thành phố bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện (trừ Chương trình nông thôn mới thành phố giai đoạn 2021-2025)	NS cấp huyện được điều tiết (không bao gồm vốn ủy thác cho NH chính sách)	Tổng số	Ngân sách tăng thu và tiết kiệm chi các năm trước chuyển sang	Nguồn doanh nghiệp đóng góp				
1	2	3	4	5	6	7=8+12	8=9+10+11	9	10	11	12=13+14	13	14	15	16=15-7		
6	1	Dự án: Xây dựng trường Mầm non, trường Tiểu học, trường THCS; Xây dựng, sửa chữa nhà văn hóa thôn thực hiện xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Đoàn Xá, huyện Kiến Thụy	số 1858/QĐ-UBND ngày 14/6/2024	27.390	10.220	15.000,000	15.000,000	15.000,000	0,000	0,000	0,000	0,000		15.000,000	0,0		
7	1	Dự án: Nâng cấp, cải tạo đường giao thông thực hiện xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Du Lễ, huyện Kiến Thụy	số 2728/QĐ-UBND ngày 03/7/2023	90.682	70.493	1.538,339	1.538,339	1.538,339	0,000	0,000	0,000	0,000		1.538,339	0,0		
8	1	Xây dựng trường mầm non, trường tiểu học; xây dựng công trình phụ trợ nhà văn hóa thôn thực hiện xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Du Lễ, huyện Kiến Thụy	số 2330/QĐ-UBND ngày 23/7/2024	34.011	15.973	15.000,000	15.000,000	15.000,000	0,000	0,000	0,000	0,000		15.000,000	0,0		
9	1	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông thực hiện xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Du Lễ, huyện Kiến Thụy	số 2744/QĐ-UBND ngày 05/7/2023	90.231	85.285	233,544	233,544	233,544	0,000	0,000	0,000	0,000		233,544	0,0		
10	1	Hoàn thiện nhà lớp học 3 tầng trường THPT Thụy Hương, huyện Kiến Thụy; hạng mục: Xây dựng và hoàn thiện tầng 2, tầng 3 (giai đoạn 2)	số 1873/QĐ-UBND ngày 10/5/2023	12.839	11.378	1.000,000	1.000,000	1.000,000	0,000	0,000	0,000	0,000		1.000,000	0,0		
11	1	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông thực hiện xây dựng thôn mới kiểu mẫu xã Tân Phong, huyện Kiến Thụy	số 2705/QĐ-UBND ngày 29/8/2024	104.470	38.500	54.594,117	54.594,117	54.594,117	0,000	0,000	0,000	0,000		54.594,117	0,0		
12	1	Xây dựng nhà thi đấu đa năng liên cấp trường tiểu học - THCS thực hiện xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Tân Phong, huyện Kiến Thụy	số 1584/QĐ-UBND ngày 11/4/2024	20.766	0	22.622,060	22.000,000	22.000,000	0,000	0,000	622,060	622,060		20.766,426	-1.855,6		
13	1	Phá dỡ nhà lớp học 2 tầng và xây dựng công trình phụ trợ trường mầm non thực hiện xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Tân Phong, huyện Kiến Thụy	số 3444/QĐ-UBND ngày 25/10/2024	3.306	1.000	2.300,000	2.300,000	2.300,000	0,000	0,000	0,000	0,000		2.300,000	0,0		

Số Dự án			Tên chương trình, dự án			Quyết định phê duyệt dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán		Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết ngày 31/01/2025		Kế hoạch vốn năm 2025 cấp huyện quản lý trước ngày 01/7/2025										Điều chỉnh kỳ này		Tăng / giảm
						Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Tổng số	Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách thành phố cho ngân sách cấp huyện và Ngân sách cấp huyện được điều tiết (không bao gồm vốn ủy thác cho Ngân hàng chính sách xã hội)						Nguồn vốn khác (Địa phương giao thêm)			Ngân sách thành phố			
										Tổng số	Ngân sách thành phố bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện để thực hiện Chương trình nông thôn mới thành phố giai đoạn 2021-2025	Ngân sách thành phố bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện (trừ Chương trình nông thôn mới thành phố giai đoạn 2021-2025)	NS cấp huyện được điều tiết (không bao gồm vốn ủy thác cho NH chính sách)	Tổng số	Nguồn tăng thu và tiết kiệm chi các năm trước chuyển sang	Nguồn doanh nghiệp đóng góp						
STT	2	3	4	5	6	7=8+12	8=9+10+11	9	10	11	12=13+14	13	14	15	16=15-7							
14	1	Xây dựng trung tâm văn hóa thể thao thôn Kinh Trục, cải tạo nhà văn hóa các thôn: Lao Phú, Thái Lai thực hiện xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Tân Phong, huyện Kiến Thụy	số 2599/QĐ-UBND ngày 21/8/2024	4.429	2.000	2.400.000	2.400.000	2.400.000	0.000	0.000	0.000	0.000		2.400.000	0,0							
15	1	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông thực hiện xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Tú Sơn, huyện Kiến Thụy	số 2703/QĐ-UBND ngày 29/8/2024	113.438	42.100	50.000.000	50.000.000	50.000.000	0.000	0.000	0.000	0.000		50.000.000	0,0							
16	1	Phá dỡ nhà lớp học 2 tầng, xây dựng nhà lớp học 3 tầng, nhà ăn bán trú và công trình phụ trợ trường tiểu học thực hiện xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Tú Sơn, huyện Kiến Thụy	số 1832/QĐ-UBND ngày 28/4/2025	21.606	0	20.000.000	20.000.000	20.000.000	0.000	0.000	0.000	0.000		20.000.000	0,0							
17	1	Xây dựng trung tâm văn hóa thể thao thôn 7 và công trình phụ trợ; cải tạo nhà văn hóa thôn 3 thực hiện xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Tú Sơn, huyện Kiến Thụy	số 5343/QĐ-UBND ngày 28/11/2024	3.812	900	2.500.000	2.500.000	2.500.000	0.000	0.000	0.000	0.000		2.500.000	0,0							
18	1	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông thực hiện xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Ngũ Đoan, huyện Kiến Thụy	số 2879/QĐ-UBND ngày 05/9/2024	73.230	28.000	45.000.000	45.000.000	45.000.000	0.000	0.000	0.000	0.000		45.000.000	0,0							
19	1	Xây dựng nhà lớp học 2 tầng, công trình phụ trợ trường mầm non thực hiện xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Ngũ Đoan, huyện Kiến Thụy	Số 2072/QĐ-UBND ngày 06/5/2025	26.991	0	26.280.000	25.000.000	25.000.000	0.000	0.000	0.000	1.280.000		26.280.000	0,0							
20	1	Xây dựng nhà thi đấu đa năng, công trình phụ trợ trường THCS thực hiện xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Ngũ Đoan, huyện Kiến Thụy	Số 1089/QĐ-UBND ngày 20/3/2025	14.896	0	15.600.000	14.000.000	14.000.000	0.000	0.000	0.000	1.600.000		14.895.863	-704,1							
21	1	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông thực hiện xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Kiến Quốc, huyện Kiến Thụy	số 2869/QĐ-UBND ngày 04/9/2024	94.481	36.500	56.000.000	56.000.000	56.000.000	0.000	0.000	0.000	0.000		56.000.000	0,0							

STT	Số Dự án	Tên chương trình, dự án	Quyết định phê duyệt dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán		Lấy kế vốn đã giải ngân đến hết ngày 31/01/2025	Kế hoạch vốn năm 2025 cấp huyện quản lý trước ngày 01/7/2025										Điều chỉnh kỳ này		
			Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách thành phố cho ngân sách cấp huyện và Ngân sách cấp huyện được điều tiết (không bao gồm vốn ủy thác cho Ngân hàng chính sách xã hội)						Nguồn vốn khác (Địa phương giao thêm)				Ngân sách thành phố	Tăng / giảm
							Tổng số	Ngân sách thành phố bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện để thực hiện Chương trình nông thôn mới thành phố giai đoạn 2021-2025	Ngân sách thành phố bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện (trừ Chương trình nông thôn mới thành phố giai đoạn 2021-2025)	NS cấp huyện được điều tiết (không bao gồm vốn ủy thác cho NH chính sách)	Tổng số	Nguồn tăng thu và tiết kiệm chi các năm trước chuyển sang	Nguồn doanh nghiệp đóng góp					
1	2	3	4	5	6	7=8+12	8=9+10+11	9	10	11	12=13+14	13	14	15	16=15-7			
22	1	Xây dựng nhà thi đấu đa năng, xây dựng nhà lớp học 2 tầng và công trình phụ trợ trường tiểu học thực hiện xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Kiến Quốc, huyện Kiến Thụy	số 1975/QĐ-QĐND ngày 09/5/2025	34.577	0	37.000,000	34.000,000	34.000,000	0,000	0,000	3.000,000	3.000,000		34.577,073	-2.422,9			
23	1	Xây dựng trung tâm văn hóa thể thao thôn 2, thôn 5, thôn 6 và công trình phụ trợ thực hiện xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Kiến Quốc, huyện Kiến Thụy	số 1549/QĐ-UBND ngày 10/4/2025	11.169	0	11.000,000	11.000,000	11.000,000	0,000	0,000	0,000	0,000		11.000,000	0,0			
24	1	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông thực hiện xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Đông Phương, huyện Kiến Thụy	số 2706/QĐ-UBND ngày 29/8/2024	72.561	28.800	40.000,000	40.000,000	40.000,000	0,000	0,000	0,000	0,000		40.000,000	0,0			
25	1	Xây dựng nhà thi đấu đa năng; nhà lớp học 3 tầng, công trình phụ trợ trường tiểu học thực hiện xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Đông Phương, huyện Kiến Thụy	số 1831/QĐ-UBND ngày 28/4/2025	36.924	0	40.000,000	40.000,000	40.000,000	0,000	0,000	0,000	0,000		36.924,000	-3.076,0			
26	1	Xây dựng trung tâm văn hóa thể thao thôn Đại Trà Sơn và công trình phụ trợ thực hiện xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Đông Phương, huyện Kiến Thụy	số 2462/QĐ-UBND ngày 07/8/2024	3.359	2.000	1.200,000	1.200,000	1.200,000	0,000	0,000	0,000	0,000		1.200,000	0,0			
27	1	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông thực hiện xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Thuận Thiên, huyện Kiến Thụy	số 2870/QĐ-UBND ngày 04/9/2024	73.875	29.000	40.000,000	40.000,000	40.000,000	0,000	0,000	0,000	0,000		40.000,000	0,0			
28	1	Xây dựng nhà lớp học 2 tầng, công trình phụ trợ trường Tiểu học thực hiện xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Thuận Thiên, huyện Kiến Thụy	số 363/NO-HĐND ngày 05/7/2024	22.363	0	20.000,000	20.000,000	20.000,000	0,000	0,000	0,000	0,000		0,000	-20.000,0			
29	1	Xây dựng đầy nhà lớp học và các phòng chức năng 2 tầng trường Mầm non thực hiện xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Thuận Thiên, huyện Kiến Thụy	số 5554/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	13.573	0	14.000,000	14.000,000	14.000,000	0,000	0,000	0,000	0,000		13.573,000	-427,0			

STT	Số Dự án	Tên chương trình, dự án	Quyết định phê duyệt dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán		Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết ngày 31/01/2025	Kế hoạch vốn năm 2025 cấp huyện quản lý trước ngày 01/7/2025										Điều chỉnh kỳ này	Tăng / giảm
			Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách thành phố cho ngân sách cấp huyện và Ngân sách cấp huyện được điều tiết (không bao gồm vốn ủy thác cho Ngân hàng chính sách xã hội)					Nguồn vốn khác (Địa phương giao thêm)			Ngân sách thành phố		
							Tổng số	Ngân sách thành phố bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện để thực hiện Chương trình nông thôn mới thành phố giai đoạn 2021-2025	Ngân sách thành phố bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện (trừ Chương trình nông thôn mới thành phố giai đoạn 2021-2025)	NS cấp huyện được điều tiết (không bao gồm vốn ủy thác cho NH chính sách)	Tổng số	Nguồn tăng thu và tiết kiệm chi các năm trước chuyển sang	Nguồn doanh nghiệp đóng góp				
1	2	3	4	5	6	7-8+12	8-9+10+11	9	10	11	12-13+14	13	14	15	16-15-7		
30	1	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa các thôn: Xuân Úc, Úc Gián, Hòa Liễu thực hiện xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Thuận Thiên, huyện Kiến Thụy	số 2593/QĐ-UBND ngày 21/8/2024	2.865	1.500	1.200.000	1.200.000	1.200.000	0.000	0.000	0.000	0.000		1.200.000	0,0		
31	1	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông thực hiện xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy	số 2687/QĐ-UBND ngày 28/8/2024	105.581	34.234	60.000.000	60.000.000	60.000.000	0.000	0.000	0.000	0.000		60.000.000	0,0		
32	1	Xây dựng dãy nhà lớp học 3 tầng 06 phòng học và các phòng chức năng trường THCS thực hiện xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy	số 3117/QĐ-UBND ngày 25/9/2024	12.056	6.000	8.000.000	8.000.000	8.000.000	0.000	0.000	0.000	0.000		6.055.674	-1.944,3		
33	1	Xây dựng trung tâm văn hóa thể thao thôn Đại Lộc, thôn Quần Mục 1 và công trình phụ trợ thực hiện xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy	số 3116/QĐ-UBND ngày 25/9/2024	6.485	1.200	5.000.000	5.000.000	5.000.000	0.000	0.000	0.000	0.000		5.000.000	0,0		
VII	I	Dự án trước sáp nhập do Huyện Bạch Long Vỹ quản lý có kế hoạch vốn ngân sách cấp huyện năm 2025		94.500	500	90.000	90.000	90.000	0	0	0	0		90.000	0,0		
VII	I	Dự án chưa tất toán		94.500	500	90.000	90.000	90.000	0	0	0	0		90.000	0,0		
1	1	Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông huyện nông thôn mới đặc thù huyện Bạch Long Vĩ	26/QĐ-UBND 05/02/2025	94.500	500	90.000	90.000	90.000			0	0		90.000	0,0		